TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Hoàng Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 698/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà H

Địa chỉ: Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bị đơn: Ông N

Địa chỉ: Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2017, bản tự khai ngày 01/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H trình bày:

Bà và ông N quen nhau và chung sống với nhau từ năm 1984, nhưng không đăng ký kết hôn và cũng không tổ chức đám cưới. Bà và ông N chung sống đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hợp tính nhau. Bà và ông N đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông N nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông N.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Minh Bích H, sinh năm 1986 và Trần Minh Q, sinh năm 1993. Con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H yêu cầu ly hôn ông N, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn ông N cư trú tại Quận 9, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984, không đăng ký kết hôn, nhưng thời điểm xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03/01/1987 là ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực nên đây là hôn nhân thực tế và hợp pháp.

Quá trình chung sống bà H và ông N phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính nhau, quan điểm sống khác nhau, bà H và ông N sống ly thân đã lâu nhưng cho đến nay vẫn không có giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ. Quá trình Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông N vắng mặt, không có sự trình bày hay đưa ra văn bản nào thể hiện ý chí còn mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H

đối với ông N là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà H ly hôn ông N.

[4] Về con chung: Căn cứ trích lục khai sinh số 477/TLKS-BS ngày 26/7/2017 do Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9 cấp và trích lục khai sinh số 506/TLKS-BS ngày 28/6/2017 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp và lời khai của bà H thì bà H và ông N có 02 con chung là Trần Minh Bích H, sinh năm 1986 và Trần Minh Q, sinh năm 1993. Con đã trưởng thành, nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà H chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà H và ông N.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Minh Bích H, sinh năm 1986 và Trần Minh Q, sinh năm 1993. Con đã trưởng thành, nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà H chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003203 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Bà H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, ông N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q9;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường